

Số: /GPMT-SNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Khoa học, Công nghệ, Môi trường; Khuyến nông; Thủy lợi; Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn; Tài nguyên nước; Môi trường; Địa chất và khoáng sản; Ứng phó sự cố tràn dầu thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3846/QĐ-UBND ngày 25/7/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội; Quyết định số 828/QĐ-TTPVHCC ngày 05/6/2025 của Trung tâm phục vụ hành chính công về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Môi trường, ứng phó sự cố tràn dầu, Khí tượng thủy văn trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4417/QĐ-UBND ngày 23/8/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội);

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-SNNMT ngày 06/3/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội về việc ban hành Quy chế làm việc của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội; Quyết định số 135/QĐ-SNNMT ngày 14/3/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các Phòng và

trương đương thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội; Quyết định số 260/QĐ-SNNMT ngày 02/4/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội về việc phân công nhiệm vụ giữa Giám đốc Sở và các Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội;

Xét Văn bản số 38/CV-GPMT ngày 12/5/2025 của Liên danh Công ty cổ phần Him Lam Thủ Đô và Công ty cổ phần BIC Việt Nam về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo;

Xét nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Khu nhà ở xã hội Thượng Thanh và đấu nối hạ tầng khu vực” đã được chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến của Hội đồng thẩm định;

Theo đề nghị của phòng Quản lý môi trường;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Liên danh Công ty cổ phần Him Lam Thủ Đô, địa chỉ trụ sở chính tại: Tầng 1, tòa nhà Câu Lạc bộ Sân Golf Long Biên, khu lữ Đoàn 918, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội và Công ty cổ phần BIC Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính tại: Tầng 2 toà nhà Rainbow đường 19/5, Khu đô thị mới Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của của dự án “Khu nhà ở xã hội Thượng Thanh và đấu nối hạ tầng khu vực” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Khu nhà ở xã hội Thượng Thanh và đấu nối hạ tầng khu vực.

1.2. Địa điểm thực hiện: Phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Chủ đầu tư:

- Công ty cổ phần Him Lam Thủ Đô: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0104988779 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 05/11/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 05/02/2024. Mã số thuế: 0104988779.

- Công ty cổ phần BIC Việt Nam: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0102237311, do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 03/5/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 26/3/2021. Mã số thuế: 0102237311.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Nhà ở chung cư cao tầng, nhà ở thấp tầng, nhà văn hóa.

1.5. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư:

- Phạm vi dự án: Tổng diện tích đất Dự án khoảng 60.355,3 m², dân số khoảng 4.584 người, số lượng căn hộ khoảng 2.024 căn (trong đó có 1.980 căn hộ chung cư và 44 căn hộ thấp tầng) được xác định theo quy Quy hoạch chi tiết điều chỉnh cục bộ Khu nhà ở xã hội Thượng Thanh và đấu nối hạ tầng khu vực, tỷ lệ 1/500 được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 5577/QĐ-UBND ngày 14/8/2017,

Quyết định số 2057/QĐ-UBND ngày 10/05/2021.

- Quy mô dự án:

+ Xây dựng 03 khối công trình nhà ở cao tầng (Tòa nhà CT1 cao 22 tầng + 03 tầng hầm, Tòa nhà CT2 cao 22 tầng + 01 tầng hầm, Tòa nhà CT3 cao 22 tầng + 01 tầng hầm) tại 03 ô đất CT1, CT2, CT3 với tổng diện tích đất khoảng 18.150,6 m², tổng diện tích xây dựng khoảng 9.394 m², tổng diện tích sàn xây dựng 169.128 m²

+ Xây dựng công trình nhà ở thấp tầng (cao 05 tầng) tại 02 ô đất TT1, TT2 với tổng diện tích đất khoảng 3.089 m², tổng diện tích xây dựng khoảng 9.394 m², tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 15.445 m².

+ Xây dựng công trình nhà văn hóa (cao 03 tầng) tại ô đất CC với diện tích đất khoảng 967,6 m². Còn lại gồm các công trình giao thông, cây xanh khoảng 37.427,4 m².

+ Tổng mức đầu tư của dự án: 2.942,18 tỷ đồng (hai nghìn chín trăm bốn mươi hai tỷ, một trăm tám mươi triệu đồng).

(Theo Quyết định chủ trương đầu tư số 2110/QĐ-UBND ngày 03/5/2018, Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 4837/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 và Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 4233/QĐ-UBND ngày 15/8/2024 của UBND Thành phố Hà Nội).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Liên danh Công ty cổ phần Him Lam Thủ Đô và Công ty cổ phần BIC Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngàytháng.... năm 2025 đến ngày:.....thángnăm 2035.

Điều 4. Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố (để b/c);
- Giám đốc Sở (để b/c);
- PGĐ Sở Nguyễn Anh Quân;
- UBND quận Long Biên;
- Công ty cổ phần Him Lam Thủ Đô;
- Công ty cổ phần BIC Việt Nam;
- Cổng Thông tin điện tử Sở NN&MT;
- Lưu: VT, QLMT.

MHS H26.103-250513-0003.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Anh Quân

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SNNMT ngày / /2025
của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Khu nhà ở, gồm các nguồn sau:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt của cư dân đến hoạt động, làm việc tại khu nhà văn hóa;
- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động ăn uống, sinh hoạt của cư dân, khu thương mại tại tòa nhà CT1;
- Nguồn số 3: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động ăn uống, sinh hoạt của cư dân, khu thương mại tại tòa nhà CT2;
- Nguồn số 4: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động ăn uống, sinh hoạt của cư dân, khu thương mại tại tòa nhà CT3;
- Nguồn số 5: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động ăn uống, sinh hoạt của cư dân, khu thương mại tại khu nhà thấp tầng TT1;
- Nguồn số 6: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động ăn uống, sinh hoạt của cư dân, khu thương mại tại khu nhà thấp tầng TT2.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Nước thải sau xử lý từ Trạm xử lý nước thải tập trung chảy ra Hệ thống thoát nước chung dưới tuyến đường quy hoạch N1, sau đó chảy ra tuyến cống thoát nước của thành phố dưới đường Lý Sơn thuộc phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

2.2. Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sinh hoạt sau Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 1.100 m³/ngày đêm, xả ra hệ thống thoát nước chung dưới tuyến đường quy hoạch N1 ở phía Bắc dự án.

2.3. Vị trí xả nước thải: 01 điểm xả nước thải từ Trạm xử lý nước thải tập trung ra hệ thống thoát nước chung dưới tuyến đường quy hoạch N1 ở phía Bắc dự án thuộc địa bàn phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Tọa độ vị trí điểm xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiếu 3⁰): X= 2328724; Y = 591284.

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát nước thải.

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 1.100 m³/ngày đêm.

2.4.1. Phương thức xả nước thải: xả thải cưỡng bức bằng bơm ra hệ thống thoát nước chung dưới tuyến đường quy hoạch N1.

2.4.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.4.3. Chất lượng nước thải: Nước thải sau xử lý, trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung, cột B; cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	Lưu lượng (đầu vào, đầu ra)	-	-	Không quan trắc định kỳ	Thực hiện quan trắc tự động, liên tục ^(*)
2	Nhiệt độ	-	-		
3	pH	-	5 - 9		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 60		
5	Nhu cầu ôxy hóa học (COD)	mg/l	≤ 90		
	hoặc Tổng Cacbon hữu cơ (TOC)	mg/l	≤ 45		
6	Amoni (N-NH ₄ ⁺), tính theo N	mg/l	≤ 8,0	Quan trắc định kỳ 03 tháng/lần ^(**)	Không thực hiện quan trắc tự động, liên tục
7	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD ₅ ở 20°C)	mg/l	≤ 35		
8	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	≤ 30		
9	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	≤ 6,0		
10	Tổng Coliform	MPN/ hoặc CFU/100 ml	≤ 5.000		
11	Sulfua (S ²⁻)	mg/l	≤ 0,5		
12	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	≤ 15		
13	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤ 5		

(*)(**): Theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

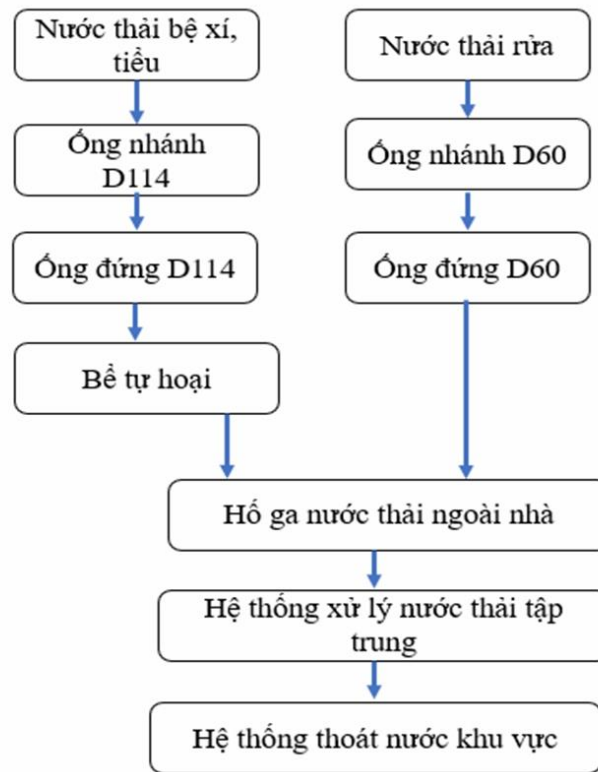
B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

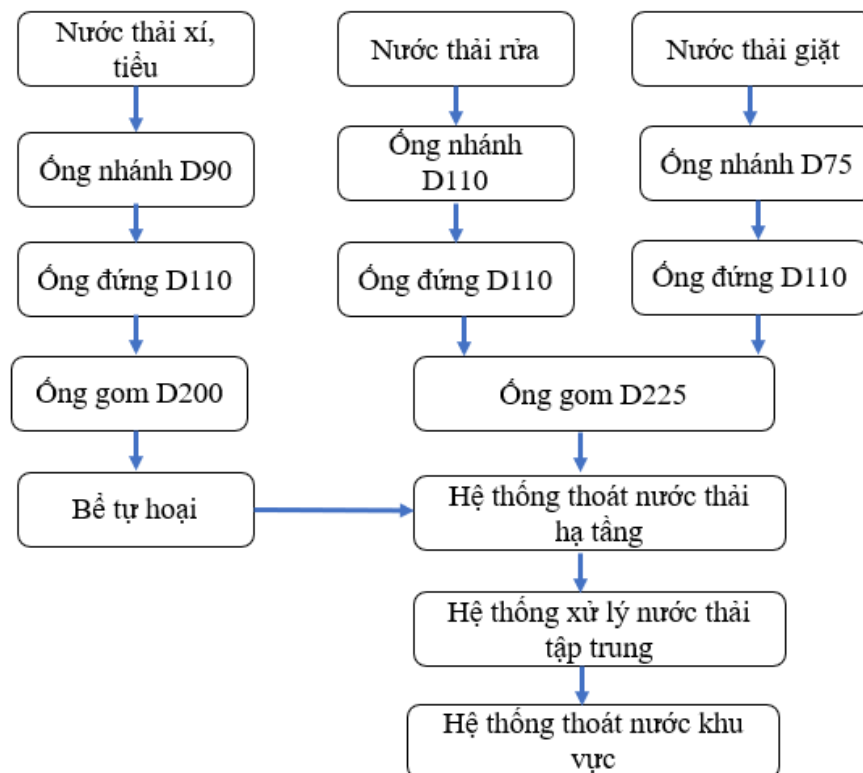
Thiết kế hệ thống thu gom nước thải của Dự án riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải đưa về Trạm xử lý nước thải tập trung:

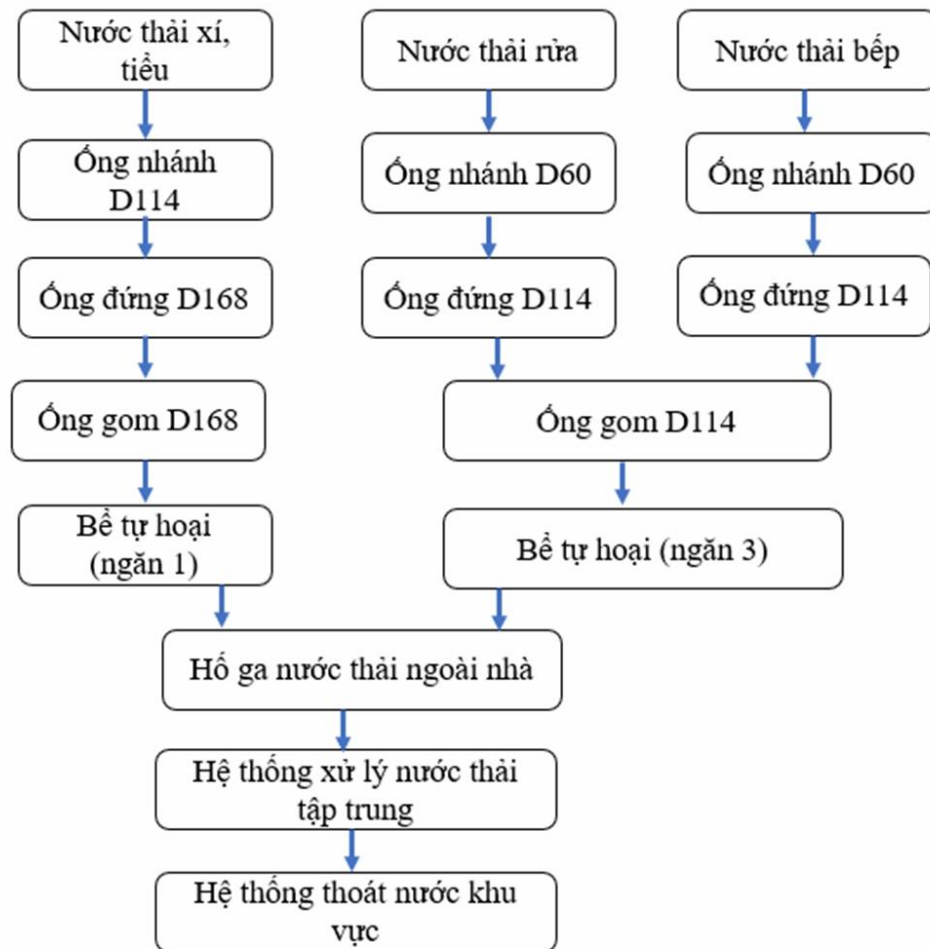
- Nguồn số 01: Nước thải nhà văn hóa.



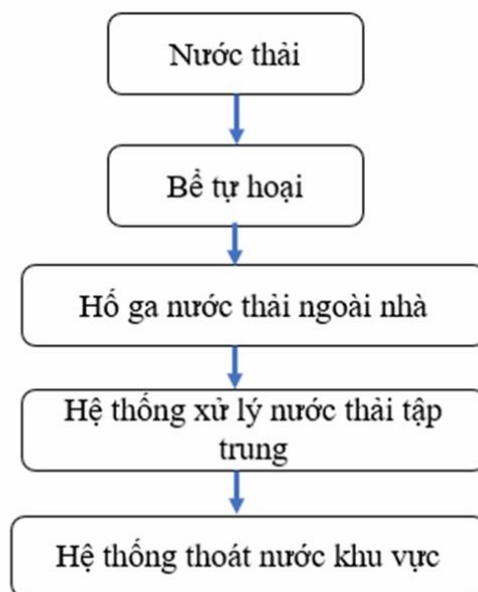
- Nguồn số 02: Nước thải Tòa nhà CT1.



- Nguồn số 03, nguồn số 04: Nước thải tòa nhà CT2 và tòa nhà CT3:



- Nguồn số 05, nguồn số 06: Nước thải khu nhà thấp tầng TT1 và TT2



Toàn bộ nước thải nêu trên được thu gom về Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 1.100 m³/ngày đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt → Bể thu gom, điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí sử dụng giá thể sinh học → Bể lắng → Bể khử trùng → Bơm nước thải → Mương quan trắc nước thải → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 1.100 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, men vi sinh, NaOCl (khử trùng).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Vị trí lắp đặt: Hệ thống quan trắc tự động liên tục nước thải lắp đặt sau bể bơm của Trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, tại ô đất cây xanh.

- Thông số quan trắc: Lưu lượng đầu vào, lưu lượng đầu ra, pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni.

- Có camera theo dõi và thiết bị lấy mẫu tự động.

- Kết nối truyền dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội bằng đường cáp quang.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Có biện pháp ứng phó sự cố kỹ thuật đối với hệ thống xử lý nước thải trong trường hợp hệ thống hoạt động không đạt yêu cầu hoặc ngừng hoạt động, chất lượng nước thải đầu ra không đạt yêu cầu, sự cố liên quan đến các thiết bị, máy móc hoặc vận hành.

- Thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động của các máy móc thiết bị để có biện pháp sửa chữa, thay thế kịp thời tránh xảy ra sự cố.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải; lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải:

- Thời gian bắt đầu: Hệ thống xử lý nước thải hoàn thiện xây dựng lắp đặt, dự án bắt đầu đi vào vận hành.

- Thời gian kết thúc: 03-06 tháng kể từ khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động và hệ thống có đủ điều kiện vận hành.

- Công suất vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải dự kiến phải đạt 30-60% so với công suất thiết kế.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của dự án, công suất thiết kế: 1.100 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải đầu vào của Trạm xử lý nước thải.

- Nước thải đầu ra của Trạm xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.4.3 Phần A của Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Tuân thủ quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Việc quan trắc chất thải do chủ dự án tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý mùi phát sinh từ Trạm xử lý nước thải:

Mùi và khí thải phát sinh từ Trạm xử lý nước thải tập trung phải được thu gom bằng hệ thống đường ống, qua tháp hấp phụ (sử dụng than hoạt tính), sử dụng quạt hút, sau đó xả ra môi trường.

4. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

4.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các thông số tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

4.2. Lắp đặt và truyền dữ liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục (có camera theo dõi và thiết bị lấy mẫu tự động) và kết nối, truyền số liệu trực tiếp đến Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

4.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải của dự án; vận hành hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục và thực hiện kết nối, truyền dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội theo quy định.

4.4. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải trong trường hợp có sự cố về chất lượng nước thải sau xử lý, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các thông số quy định tại Giấy phép này trước khi xả ra môi trường.

4.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

4.6. Liên danh Công ty cổ phần Him Lam Thủ đô và Công ty cổ phần BIC Việt Nam chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải vượt giới hạn cho phép tại Giấy phép này.

PHỤ LỤC 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SNNMT ngày / /2025
của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh khu nhà ở:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	100
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	100
3	Dầu thải (từ máy phát điện dự phòng)	Rắn	17 02 03	200
4	Linh kiện điện tử thải	Rắn	16 0113	300
5	Hộp mực in thải có chứa thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	200
6	Găng tay, giẻ lau thải bị nhiễm các thành phần thải nguy hại	Rắn	18 02 01	300
	Chất hấp thụ bị nhiễm các thành phần thải nguy hại từ hệ thống xử lý khí thải (Than hoạt tính từ thiết bị xử lý mùi, khí thải của TXLNT tập trung)			304
	Tổng			1.504

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh lớn nhất khoảng 6.042 kg/ngày đêm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh:

- Bùn thải từ bể tự hoại, bể tách mỡ, hệ thống xử lý nước thải tập trung phát sinh lớn nhất khoảng 75 tấn/năm (tương đương 205,5 kg/ngày đêm).
- Bùn cặn từ quá trình nạo vét hệ thống hồ ga, cống định kỳ: 600 kg/năm
- Bùn thải từ trạm xử lý nước thải: 71 tấn/năm (tương đương 194,5 kg/ngày đêm).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Tại mỗi nhà kho lưu chứa CTNH được bố trí ít nhất 06 thùng rác dung tích 120 lít có nắp đậy, có màu sắc khác nhau, các thùng được dán nhãn tên, ghi mã CTNH theo quy định.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Bố trí 02 Nhà kho lưu chứa chất thải nguy hại đặt tại tầng 1 Tòa nhà CT1 và tầng 1 Tòa nhà CT3, trong đó: kho chứa CTNH số 1 diện tích 6 m² tại Tòa nhà CT1, kho chứa chất thải nguy hại số 2 diện tích 10 m² đặt tại Tòa nhà CT3.

- Tại mỗi nhà kho lưu chứa CTNH được bố trí ít nhất 06 thùng rác dung tích 120 lít có nắp đậy, có màu sắc khác nhau và có dán nhãn tên, mã CTNH. Treo biển cảnh báo CTNH theo TCVN 6707:2009 và ghi chú cho từng loại chất thải được phép chứa trong các thùng.

- Thiết kế, cấu tạo kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Tuân thủ theo quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể:

- Các kho chứa được thiết kế đạt chuẩn, sàn bê tông, có vách ngăn, có mái che.

- Có biển chỉ dẫn, cảnh báo và thiết bị phòng cháy chữa cháy.

2.1.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được lưu chứa trực tiếp trong bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải, định kỳ thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

2.2.2. Khu vực lưu chứa: Lưu chứa trong bể chứa bùn của Trạm xử lý nước thải.

2.2.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Đối với khu căn hộ cao tầng: Có hệ thống thu gom rác thải từ trên cao xuống bể rác cho từng đơn nguyên.

- Đối với khu vực xây dựng nhà thấp tầng: Rác thải sinh hoạt được thu gom trực tiếp theo giờ cố định.

- Với các nơi công cộng: bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt dung tích 20 lít và 50 lít/thùng, có nắp đậy kín đặt tại các khu vực công cộng.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Bố trí 01 trạm trung chuyển rác thải rắn để tập kết trước khi vận chuyển đến nơi xử lý rác thải tập trung của Thành phố theo quy định.

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa: 50m² (đặt gần khu vực trạm xử lý nước thải tập trung của Dự án).

- Thiết kế, cấu tạo kho/khu vực lưu chứa: Kho chứa tại các tòa nhà và trạm trung chuyển rác được thiết kế sàn bê tông, có vách ngăn, có gắn biển tên theo quy định.

2.3.3. Chất thải sinh hoạt được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý hàng ngày.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn

thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của thành phố Hà Nội.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa ứng phó với sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

PHỤ LỤC 3 **CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SNNMT ngày / /2025
của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện công tác đền bù tái định cư đối với 16 hộ gia đình và bồi thường giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật, không gây khiếu nại, mất an ninh trật tự khu vực.

2. Việc thu gom, vận chuyển, xử lý phế thải xây dựng trong quá trình triển khai xây dựng Dự án phải thực hiện theo Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 16/5/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc tăng cường quản lý phá dỡ, thu gom, vận chuyển, xử lý phế thải xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3. Bố trí khu lưu giữ nguyên vật liệu, phế thải và thiết bị tại những địa điểm phù hợp để giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên trong quá trình thi công xây dựng; thực hiện chương trình giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh xã hội đối với đội ngũ cán bộ, công nhân tham gia thi công xây dựng, vận hành dự án.

4. Quá trình thi công xây dựng Dự án phải thực hiện đúng quy định tại Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND thành phố Hà Nội về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình tại thành phố Hà Nội; Các biện pháp giảm bụi theo quy định tại Quyết định số 02/2005/QĐ-UB ngày 10/01/2005 của UBND thành phố Hà Nội và Quyết định số 241/2005/QĐ-UB ngày 30/12/2005 của UBND thành phố Hà Nội về việc sửa đổi một số điều quy định về việc thực hiện các biện pháp làm giảm bụi trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn Thành phố. Bụi và khí thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng dự án phải có các biện pháp giảm thiểu, đảm bảo đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

5. Tiếng ồn và độ rung trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT về tiếng ồn (khu vực thông thường) và QCVN 27:2010/BTNMT (Bảng 2 - Khu vực thông thường) về độ rung.

6. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện viện quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ

môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

7. Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình thi công xây dựng của Dự án phải được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định; Nước thải thi công phải được thu gom, xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

8. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu mùi phát sinh từ Trạm xử lý nước thải đảm bảo quy định hiện hành trước khi xả thải ra môi trường.

9. Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như đã đề xuất; Cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để Cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường thanh tra, kiểm tra khi cần thiết.

10. Thực hiện đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

11. Đảm bảo nguồn kinh phí đầu tư xây dựng và vận hành các công trình xử lý môi trường đã cam kết trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

12. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.

13. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất.

14. Thực hiện đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh, cấp đổi giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường./.